

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí
hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa quy định tại Điều 1 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP phải hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích, nội dung, định mức và đúng quy định của pháp luật, ưu tiên hỗ trợ cho vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao; hỗ trợ kịp thời, hiệu quả, gắn với trách nhiệm quản lý nhà nước của chính quyền địa phương về đất đai, trồng trọt, thủy lợi.

b) Trên cơ sở định hướng và nhu cầu phát triển sản xuất lúa hàng năm và từng giai đoạn, các địa phương, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí theo khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ưu tiên thực hiện các chương trình, đề án, dự án có nội dung phù hợp với các hoạt động được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

c) Việc hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa phải bảo đảm tính thống nhất, dân chủ, công khai, minh bạch. Trường hợp có cùng chính sách hỗ trợ thì được hưởng chính sách cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

Hỗ trợ thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ở vùng đất trồng lúa (gồm đất chuyên trồng lúa và đất trồng lúa còn lại); vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt; vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Định mức hỗ trợ

1. Định mức hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Áp dụng định mức theo quy định tại Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định về định mức kinh tế kỹ thuật các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và các quy định hiện hành.

2. Định mức hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa 100% kinh phí thuê dịch vụ hoặc máy móc, thiết bị để thực hiện san phẳng đồng ruộng; cày ải phơi đất; thau chua, rửa mặn đối với đất phèn, đất bị nhiễm mặn.

b) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa tối đa 50% kinh phí mua chế phẩm sinh học, vi sinh để giúp phân hủy rơm, rạ trên đồng ruộng, cải tạo đất trồng lúa bị phèn, bị nhiễm mặn.

3. Định mức hỗ trợ đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ những vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện theo dự toán được cấp cấp thẩm quyền phê duyệt cho đơn vị chủ trì thực hiện đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ những vùng đất chuyên trồng lúa.

4. Định mức hỗ trợ sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện theo dự toán được cấp cấp thẩm quyền phê duyệt cho đơn vị chủ trì thực hiện sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

5. Định mức hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ

Hỗ trợ cho các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Hậu Giang có sản xuất, kinh doanh giống lúa 100% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ và không quá 01 tỷ đồng/giống.

Điều 5. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Đối với nguồn kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP thuộc địa phương nào thì Ủy ban nhân dân địa phương đó quản lý, sử dụng theo phân cấp tại khoản 24 Phụ lục I Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025.

2. Đối với nguồn kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: Phân bổ tối đa cho cấp tỉnh 30%, phần kinh phí còn lại quy thành 100% để phân bổ cho các địa phương tương ứng theo tỷ lệ diện tích đất trồng lúa được phê duyệt hàng năm theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển kinh phí giữa các cấp ngân sách và các địa phương theo tình hình thực tế, bảo đảm sử dụng nguồn kinh phí thiết thực, hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân các địa phương chịu trách nhiệm quản lý, phân khai nguồn ngân sách được phân bổ theo khoản 1, khoản 2 Điều này để thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

4. Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí từ nguồn thu theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

5. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này được hạch toán, quyết toán vào nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 5 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2025.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Quản trị II, Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *KX*

CHỦ TỊCH



Đồng Văn Thanh